TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THANH HOÁ** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2024/HS - ST
Ngày: 19-01- 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Thủy
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Khắc Kiếm
Bà Nguyễn Thị Thường
***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hải Hà - Thư ký Tòa án TP Thanh Hóa
- Đại diện VKSND thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa:
Bà Trịnh Thị Thu L - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 101/2023/TLST-HS ngày 19 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2023/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Huy Đ - sinh năm 1996. Nơi cư trú: Phố G, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Huy P và bà: Đàm Thị V; Tiền án: ngày 28/4/2021 bị TAND cấp cao tại Hà Nội xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng về tội "Cố ý gây thương tích". Chấp hành xong thời gian thử thách ngày 28/10/2022; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, "có mặt".

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Lê Thị H, sinh năm 1982 "vắng mặt"
Trú tại: Thôn Tiền Thịnh, xã Quảng Đức, huyện Quảng Xương, Thanh Hóa
2. Chị Phạm Thị L1, sinh năm 1978 "vắng mặt"
Trú tại: Khu phố T, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa
3. Anh Lê Xuân T, sinh năm 1977 "vắng mặt"
Trú tại: Số nhà 10B ngõ 628 Quang Trung 2, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
4. Chị Đàm Thị D, sinh năm 1985 "vắng mặt"

Trú tại: Phố G, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa

5. Anh Nguyễn Công S, sinh năm 2004 "vắng mặt"

Trú tại: Số nhà D Q, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa

6. Chị Lê Thị H1, sinh năm 1983 "vắng mặt"

Trú tại: Phố E, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có công ăn việc làm ổn định, muốn thu lời bất chính từ việc cho vay tiền nên trong thời gian từ tháng 9/2022 đến tháng 10/2023, Nguyễn Huy Đ đã cho một số khách hàng vay tiền dưới hình thức "vay theo kỳ hạn" và "vay thăm" với lãi suất 3.000đ đến 4.400đ/1triệu/1 ngày, tương ứng với mức lãi suất 109,5%/năm đến 160,6%/năm gấp 5,475 lần đến 8,03 lần so với quy định của Bộ luật dân sự. Đ thỏa thuận cho khách vay tiền trong thời hạn nhất định và yêu cầu nộp lãi như đã thỏa thuận, Đ là người trực tiếp cho vay và thu tiền lãi. Cụ thể, Đ cho 06 khách vay như sau:

1. Anh Nguyễn Công S vay 06 lần:

- Lần thứ nhất: Ngày 02/9/2022, Đ cho anh S vay số tiền 10.000.000 đồng, dưới hình thức vay thăm. Gói vay này anh S vay 50 ngày, Đ cắt tiền lãi trước 1.500.000đ/50 ngày (tương ứng với mức lãi suất 109,5%/năm), anh S chỉ nhận được số tiền 8.500.000đồng. Anh S đã trả đủ gốc lãi cho Đ, số tiền lãi Đ thu được 1.500.000đ đồng (trong đó thu theo quy định 20%/năm là 139.726 đồng, thu lời bất chính là 1.360.274 đồng).

- Lần thứ hai: Tháng 10/2022, anh S tiếp tục vay Đ 10.000.000 đồng với hình thức vay như trên. Gói vay này anh S đã trả đủ gốc lãi cho Đ, số tiền lãi Đ thu được 1.500.000đ đồng (trong đó thu theo quy định 20%/năm là 139.726 đồng, thu lời bất chính là 1.360.274 đồng).

- Lần thứ ba: Tháng 11/2022, anh S tiếp tục vay Đ 10.000.000 đồng với hình thức vay như trên. Gói vay này anh S đã trả đủ gốc lãi cho Đ, số tiền lãi Đ thu được 1.500.000đ đồng (trong đó thu theo quy định 20%/năm là 139.726 đồng, thu lời bất chính là 1.360.274 đồng).

- Lần thứ tư: Tháng 12/2022, anh S tiếp tục vay Đ 10.000.000 đồng với hình thức vay như trên. Gói vay này anh S đã trả đủ gốc lãi cho Đ, số tiền lãi Đ thu được 1.500.000đ đồng (trong đó thu theo quy định 20%/năm là 139.726 đồng, thu lời bất chính là 1.360.274 đồng).

- Lần thứ năm: Tháng 01/2023, anh S tiếp tục vay Đ 10.000.000 đồng với hình thức vay như trên. Gói vay này anh S đã trả đủ gốc lãi cho Đ, số tiền lãi Đ thu được 1.500.000đ đồng (trong đó thu theo quy định 20%/năm là 139.726 đồng, thu lời bất chính là 1.360.274 đồng).

- Lần thứ sáu: Tháng 10/2022, anh S vay Đ 15.000.000 đồng dưới hình thức tín chấp, với lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày (2.250.000 đồng tiền lãi/1 tháng, tương ứng 182,5%/năm). Gói vay này, anh S đã trả được 04 tháng tiền lãi với số tiền 9.000.000 đồng thì kết thúc gói vay và trả hết tiền gốc cho Đ. Số tiền lãi Đ thu được 9.000.000đ đồng (trong đó thu theo quy định 20%/năm là 986.301đồng, thu lời bất chính là 8.013.699 đồng).

Tổng cộng, anh S vay của Đ 65.000.000 đồng, số tiền lãi Đ thu được là 16.500.000 đồng, trong đó số tiền thu theo quy định 1.684.931đồng, thu lời bất chính: 14.815.069đồng, anh S đã trả hết tiền gốc.

2. Chị Lê Thị H1 vay 01 lần:

Tháng 12/2022, Đ cho chị H1 vay số tiền 10.000.000 đồng, dưới hình thức tín chấp với mức lãi suất 3000đ/1 triệu/1 ngày (tương ứng với mức lãi suất 109,5%/năm), mỗi tháng chị H1 phải trả cho Đ 900.000đ tiền lãi. Gói vay này chị H1 trả được 08 tháng với số tiền 7.200.000đồng và đã trả hết gốc. Số tiền lãi thu theo quy định 20%/năm là 1.315.068 đồng, thu lời bất chính là 5.884.932đồng).

3. Chị Đàm Thị D vay 01 lần:

Ngày 11/01/2023, Đ cho chị D vay số tiền 15.000.000 đồng, dưới hình thức tín chấp, với số tiền lãi là 1.500.000 đồng/tháng (tương ứng với lãi suất 109,5%/năm). Chị D đã trả tiền lãi cho Đ 08 tháng với số tiền 12.000.000 đồng (tiền lãi thu theo quy định là 1.972.603 đồng và tiền thu lời bất chính là 10.027.397 đồng). Chị D đã trả hết tiền gốc cho Đ

4. Chị Phạm Thị L1 vay 02 lần:

- Lần thứ nhất: Tháng 02/2023, Đ cho chị L1 vay số tiền 10.000.000 đồng, dưới hình thức vay thăm. Gói vay này chị L1 vay 50 ngày, Đ cắt tiền lãi trước 1.500.000đ/50 ngày (tương ứng với mức lãi suất 109,5%/năm), chị L1 chỉ nhận được số tiền 8.500.000đồng. Số tiền lãi Đ thu được 1.500.000đ đồng (trong đó thu theo quy định 20%/năm là 139.726 đồng, thu lời bất chính là 1.360.274 đồng), chị L1 đã trả đủ tiền gốc cho Đ.

- Lần thứ hai: Tháng 4/2023, chị L1 tiếp tục vay Đ số tiền 10.000.000 đồng với hình thức vay như trên. Gói vay này chị L1 đã trả đủ gốc lãi cho Đ, số tiền lãi Đ thu được 1.500.000đ đồng (trong đó thu theo quy định 20%/năm là 139.726 đồng, thu lời bất chính là 1.360.274 đồng).

5. Chị Lê Thị H vay 02 lần:

- Lần thứ nhất: Tháng 5/2023, Đ cho chị H vay số tiền 10.000.000 đồng, dưới hình thức vay thăm. Gói vay này chị L1 vay 50 ngày, Đ cắt tiền lãi trước 1.500.000đ/50 ngày (tương ứng với mức lãi suất 109,5%/năm), chị H chỉ nhận được số tiền 8.500.000đồng. Số tiền lãi Đ thu được 1.500.000đ đồng (trong đó thu theo quy định 20%/năm là 139.726 đồng, thu lời bất chính là 1.360.274 đồng), chị H đã trả đủ tiền gốc cho Đ.

- Lần thứ hai: Tháng 7/2023, chị H tiếp tục vay Đ số tiền 10.000.000 đồng với hình thức vay như trên hình thức vay như trên. Gói vay này chị H đã trả đủ gốc lãi cho Đ, số tiền lãi Đ thu được 1.500.000đ đồng (trong đó thu theo quy định 20%/năm là 139.726 đồng, thu lời bất chính là 1.360.274 đồng).

6. Anh Lê Xuân T vay 01 lần:

Ngày 30/9/2023, Đ cho anh T vay số tiền 20.000.000 đồng, dưới hình thức vay thăm. Gói vay này anh T vay 50 ngày, Đ cắt tiền lãi trước 4.400.000 đồng/50 ngày (tương ứng với mức lãi suất 160,6%/năm), anh T chỉ nhận được số tiền 15.600.000đồng. Số tiền lãi Đ thu được 4.400.000đ đồng (trong đó thu theo quy định 20%/năm là 279.452đồng, thu lời bất chính là 4.120.548đồng). Anh T mới trả cho Đ 1.200.000 đồng tiền gốc, còn nợ lại 18.800.000 đồng.

Ngày 03/10/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Huy Đ tại phố G, phường Q, thành phố T thu giữ 01 Quyển sổ nhật ký được Đ sử dụng để ghi chép quá trình hoạt động cho vay và 01 Giấy mượn tiền của anh Lê Xuân T. Ngày 03/10/2023, Nguyễn Huy Đ đã tự nguyện giao nộp 02 Giấy mượn tiền của chị Đàm Thị D, Lê Thị H1.

Tại Bản kết luận giám định số 4243/KL-KTHS ngày 22/11/2023 của Phòng K Công an T7 tiến hành phục hồi, trích xuất dữ liệu tin nhắn từ điện thoại của Đ giao nộp nhưng không tìm thấy dữ liệu.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 quyển sổ nhật ký và 03 Giấy mượn tiền, cơ quan điều tra đã chuyển kèm theo hồ sơ vụ án

Đối với chiếc điện thoại di động N N1280, gắn thẻ sim số 0947.285.874, Đ sử dụng chiếc điện thoại này để liên lạc với những người vay để hỏi tiền nợ. Cơ quan điều tra đã chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa để xử lý theo quy định.

Về phần dân sự: Chị Lê Thị H, chị Phạm Thị L1, anh Lê Xuân T, chị Đàm Thị D, chị Lê Thị H1 không yêu cầu Đ phải bồi thường lại số tiền thu lời bất chính. Anh Nguyễn Công S đề nghị bị cáo phải bồi thường lại số tiền thu lời bất chính 14.815.069 đồng.

Tại bản cáo trạng số 43/CT-VKS ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thanh Hoá truy tố Nguyễn Huy Đức về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thanh Hoá giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1, khoản 3 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều Điều 36 Bộ luật hình sự. Mức hình phạt đề nghị từ 12 đến 15 tháng tháng cải tạo không giam giữ. Áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo từ 30.000.000đ đến 40.000.000đ để nộp ngân sách nhà nước.

Đề nghị truy thu của bị cáo số tiền gốc dùng để cho vay là 131.200.000đ, tiền lãi suất 20% theo quy định là 5.810.958 đồng và tiền lãi suất thu vượt quá quy định của chị Lê Thị H, chị Phạm Thị L1, anh Lê Xuân T, chị Đàm Thị D, chị Lê Thị H1 là 25.473.973. Tổng số tiền truy thu của bị cáo là 162.484.931đồng.

Truy thu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Xuân T số tiền 18.800.000đ là số tiền nợ gốc vay Đ nhưng chưa thanh toán.

Buộc bị cáo phải trả số tiền lãi suất thu vượt quá 20% cho anh S là 14.815.069 đồng. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về án phí và vật chứng.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiền hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu khác phản ánh trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở chứng minh: Do có mục đích vụ lợi, trong thời gian từ tháng 9/2022 đến tháng 9/2023 Nguyễn Huy Đ đã có hành vi cho vay lãi nặng đối với 06 khách hàng trên địa bàn thành phố T và huyện Q vay với tổng số tiền 150.000.000 đồng với mức lãi suất 3.000đ đến 4.400đ/1triệu/1 ngày, tương ứng với mức lãi suất 109,5%/năm đến 160,6%/năm gấp 5,475 lần đến 8,03 lần so với quy định của Bộ luật dân sự. Nguyễn Huy Đ đã thu được số tiền gốc

của 06 khách là 131.200.000 đồng và tiền lãi là 46.100.000 đồng, trong đó số tiền lãi thu theo quy định (20%) là 5.810.958 đồng và số tiền lãi thu vượt quá quy định là 40.289.042 đồng.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi phạm tội của Nguyễn Huy Đ có đủ các dấu hiệu cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Tội danh và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Tính chất vụ án: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, cụ thể là trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ được pháp luật bảo vệ; gây thiệt hại đến quyền lợi của người vay. Mặc dù, bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do xem thường pháp luật, muốn thu lời bất chính nên đã phạm tội. Vì vậy, cần phải được xử lý nghiêm minh để giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Nhân thân, trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Bị cáo có nhân thân xấu, đã có 01 tiền án chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Khi quyết định hình phạt cần xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo vì tại các cơ quan pháp luật bị cáo thành khẩn khai báo, gia đình bị cáo có ông nội là người có công với cách mạng được tặng huân chương kháng chiến, mẹ bị cáo là thanh niên xung phong có giấy chứng nhận, quá trình sinh sống đã tích cực ủng hộ phong trào do địa phương phát động, căn cứ điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nên cho bị cáo cải tạo tại địa phương để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, sớm trở thành công dân có ích cho xã hội, căn cứ Điều 36 Bộ luật hình sự.

Do bị cáo không có công việc và thu nhập ổn định, có hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương và bị cáo bị tai nạn bị chấn thương sọ não, không làm được nặng, sức khỏe bị ảnh hưởng nên miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[4] Về biện pháp tư pháp:

- Đối với số tiền gốc 150.000.000đ bị cáo dùng để cho 06 người vay nhưng mới thu được 131.200.000 đồng, số tiền gốc còn lại 18.800.000 đồng bị cáo chưa thu được của anh T. Số tiền gốc này bị cáo không sử dụng để quay vòng vốn và cho khách vay lại (không sử dụng tiền gốc của người này để cho người khác vay lại) mà khi người vay trả bị cáo đã sử dụng chi tiêu cá nhân và mua sắm đồ đạc hết nên xác định toàn bộ số tiền này là phương tiện dùng vào việc phạm tội.

- Đối với khoản tiền lãi suất giới hạn 20%/năm theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự của 06 người vay là 5.810.958 đồng là khoản tiền phát sinh từ tội phạm.

Do bị cáo là người dùng tiền của mình cho các khách vay và được hưởng lợi từ việc cho vay nên căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự truy thu bị cáo Đ số tiền gốc 131.200.000 đồng và 5.810.958 đồng tiền lãi suất tối thiểu 20%/năm theo quy định. Tổng là 137.010.958 đồng để nộp vào ngân sách nhà nước. Số tiền gốc 18.800.000 đồng anh T vay chưa trả cho Đ nên truy thu của anh T để nộp vào ngân sách nhà nước.

- Đối với khoản lãi suất bị cáo thu của người vay vượt quá quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 40.289.042 đồng, trong đó: thu của S là 14.815.069 đồng, của chị H1 là 5.884.932, của chị D là 10.027.397 đồng, của chị L1 là 2.720.548 đồng, của chị H là 2.720.548 đồng và của anh T là 4.120.548 đồng. Những người vay tiền của bị cáo không dùng số tiền đi vay vào mục đích bất hợp pháp. Chị H1, chị D, chị L1, chị H, anh T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường lại số tiền lãi thu quá quy định nên truy thu của bị cáo đối với khoản tiền lãi này để nộp vào ngân sách nhà nước.

Anh Nguyễn Công S yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền lãi thu vượt quá quy định, do đó buộc bị cáo phải trả lại cho anh S số tiền 14.815.069 đồng.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Đ cho vay với mục đích vụ lợi nên căn cứ khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền 35.000.000đ đối với bị cáo Đ.

[6] Về vật chứng: Đối với chiếc điện thoại Nokia N1280 thu của bị cáo, bị cáo dùng chiếc điện thoại nay đề liên lạc vào việc phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước. Căn cứ khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1, khoản 3 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 36 Bộ luật hình sự. Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Huy Đ phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"

Xử phạt: Nguyễn Huy Đ 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ kể từ ngày UBND phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Đ cho UBND phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Phạt bị cáo Nguyễn Huy Đ 35.000.000đ để sung quỹ nhà nước.

Về biện pháp tư pháp:

- Truy thu từ bị cáo Nguyễn Huy Đ số tiền tiền gốc 131.200.000 đồng, tiền lãi suất theo quy định là 5.810.958 đồng và tiền lãi suất thu vượt quá quy định của chị H1 là 5.884.932, của chị D là 10.027.397 đồng, của chị L1 là 2.720.548 đồng, của chị H là 2.720.548 đồng và của anh T là 4.120.548 đồng. Tổng là 162.484.931 đồng

- Truy thu của anh Lê Xuân T 18.800.000 đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

- Buộc bị cáo Nguyễn Huy Đ trả lại số tiền lãi suất thu vượt quá quy định cho anh Nguyễn Công S số tiền 14.815.069 đồng.

Về vật chứng: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 chiếc thoại di động nhãn hiệu Nokia, dạng máy bàn phím, model 1280, Imel: 358253/04/753591/2, điện thoại gắn thẻ sim. Điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy móc bên trong hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa theo biên bản giao nhận vật chứng số 68/2024 ngày 26/12/2023.

Án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm

Người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị T1

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ
- VKSND TPTH;
- Công an TPTH;
- TAND tỉnh TH
- VKD ND tỉnh T

- Lưu hồ sơ.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
Đỗ Khắc Kiếm Nguyễn Thị T2	**Trần Thị T1**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ
- VKSND TPTH;

- Công an TPTH;
- TAND tỉnh TH
- VKD ND tỉnh T
- Lưu hồ sơ.

Trần Thị T1

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN		THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
Nguyễn Ngọc Tuyên	**Phạm Thị Mỹ Linh**	**Trần Thị Thủy**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ
- VKSND TPTH;
- Công an TPTH;
- TAND tỉnh TH
- VKD ND tỉnh T
- Lưu hồ sơ.

Trần Thị T1

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA

Số: /2022/TB-TA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP Thanh Hóa, ngày 26 tháng 9 năm 2022

THÔNG BÁO
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN SƠ THẨM

Căn cứ các Điều 45, 260 và 261 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Xét thấy Bản án hình sự sơ thẩm số 228/2022/HS- ST ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa cần sửa chữa, bổ sung như sau:

1. Tại dòng thứ 11 đến 15 từ trên xuống trang 18 phần nhận định của Bản án sơ thẩm nêu trên đã ghi: Đối với số tiền gốc 478.000.000đ bị cáo B dùng để cho 18 người vay nhưng mới thu được 353.000.000đ, số tiền gốc còn lại 125.000.000đ bị cáo chưa thu được những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan sau: ....., anh Trần Đình T3 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) .....

Nay được sửa chữa, bổ sung như sau: Đối với số tiền gốc 478.000.000đ bị cáo B dùng để cho 18 người vay nhưng mới thu được 353.000.000đ, số tiền gốc còn lại 125.000.000đ bị cáo chưa thu được những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan sau: ....., anh Trần Đình T4 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) .....

2. Tại dòng thứ 25 đến 28 từ trên xuống trang 18 phần nhận định của Bản án sơ thẩm nêu trên đã ghi: Đối với số tiền gốc còn lại 125.000.000đ của 03 khách vay chưa trả cho B nên truy thu của anh ....., anh Trần Đình T3 15.000.000đ .....để nộp vào ngân sách nhà nước.

Nay được sửa chữa, bổ sung như sau: Đối với số tiền gốc còn lại 125.000.000đ của 03 khách vay chưa trả cho B nên truy thu của anh ....., anh Trần Đình T4 15.000.000đ .....để nộp vào ngân sách nhà nước.

3. Tại dòng thứ 02 đến 05 từ trên xuống trang 20 phần quyết định của Bản án sơ thẩm nêu trên đã ghi: Truy thu từ bị cáo Trần Hòa B1 số tiền 420.083.000đ để nộp vào ngân sách nhà nước .....

Nay được bổ sung như sau: Truy thu từ bị cáo Trần Hòa B1 số tiền 420.083.000đ để nộp vào ngân sách nhà nước ..... Truy thu của anh Nguyễn Ngọc B2 số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), của anh Trần Đình T4 số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) và của anh Nguyễn Văn H2 số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) để nộp vào ngân sách nhà nước .

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***N¬i nhËn*:**

- Người TGTT;
- VKS TPTH;
- VKS tỉnh TH;
- TAND tỉnh TH;
- Công an TPTH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Thủy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ Thị Sinh Nguyễn Thị Thanh T5 **Trần Thị T1**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ
- VKSND TPTH;
- Công an TPTH;
- TAND tỉnh TH
- VKD ND tỉnh T
- Lưu hồ sơ.

Trần Thị T1

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ Thị Sinh Nguyễn Thị Thanh T5 **Trần Thị T1**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ
- VKSND TPTH;
- Công an TPTH;
- TAND tỉnh TH
- VKD ND tỉnh T
- Lưu hồ sơ.

Trần Thị T1

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Hạnh Nguyễn Thị Thanh T6 **Trần Thị T1**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ
- VKSND TPTH;
- Công an TPTH;
- TAND tỉnh TH
- VKD ND tỉnh T
- Lưu hồ sơ.

Trần Thị T1

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Hạnh Nguyễn Thị Thanh T6 **Trần Thị T1**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ
- VKSND TPTH;
- Công an TPTH;
- TAND tỉnh TH

- VKD ND tỉnh TH
- Lưu hồ sơ.

Trần Thị Thủy